

VĂN BIA HẬU HẢI DƯƠNG THẾ KỶ XVIII: TỪ TÍN NGƯỠNG ĐẾN ĐỜI SỐNG XÃ HỘI

LÊ THỊ THU HƯƠNG*

Tóm tắt: Trong thế kỷ XVIII, văn bia Hậu Hải Dương phát triển mạnh mẽ với tổng số 439 văn bia, gấp gần ba lần so với kỷ XVII. Sự gia tăng này không chỉ phản ánh sự hưng thịnh của tín ngưỡng thờ Hậu mà còn cho thấy nhiều biến chuyển trong đời sống văn hóa - xã hội nông thôn vùng châu thổ Bắc Bộ. Nội dung văn bia Hậu Hải Dương thế kỷ XVIII phản ánh khá rõ nét và chân thực nhiều khía cạnh trong đời sống xã hội đương thời: từ khó khăn thời nội chiến, chế độ sưu thuế và quan dịch đến các hoạt động công ích của làng xã, chính sách an sinh cộng đồng, xây dựng các công trình dân sinh, cũng như việc trùng tu di tích tôn giáo... Với chức năng vừa là tư liệu ghi chép, phản ánh hoạt động tín ngưỡng, vừa là tư liệu xã hội học lịch sử, văn bia Hậu Hải Dương thế kỷ XVIII trở thành “tấm gương phản chiếu” cơ cấu tổ chức, quan hệ cộng đồng và phương thức vận của xã hội nông thôn truyền thống trong bối cảnh thời Lê - Trịnh. Bài viết này góp phần khẳng định giá trị của văn bia Hậu không chỉ trong lĩnh vực sử học, mà còn trong các hướng tiếp cận văn hóa học, xã hội học và nghiên cứu tín ngưỡng dân gian ở Việt Nam thời kỳ tiền hiện đại.

Từ khóa: văn bia Hậu, Hải Dương, tín ngưỡng thờ Hậu, đời sống xã hội, thế kỷ XVIII

Abstract: In the 18th century, Hau steles in Hai Duong province developed strongly with a total of 439 steles, nearly three times the number from the 17th century. This expansion reflects both the vitality of the Hậu cult and broader cultural and social changes in local communities. The inscriptions provide detailed records of village life, including hardships during civil wars, communal works, welfare practices, religious construction, and temple or pagoda restorations. As durable records of religious and social activities, these steles offer valuable insights into the structure of community life, collective identity, and cultural resilience in early modern rural Vietnam. They constitute a crucial source not only for historical research but also for the study of belief systems and social practices associated with the Hậu cult.

Keywords: Hậu stele, Hải Dương, social life, eighteenth century, communal religion

1. Dẫn nhập

Hải Dương là một vùng đất giàu truyền thống lịch sử, văn hóa, mang đậm dấu ấn của nền văn hóa đồng bằng Bắc Bộ. Từ xa xưa, nơi đây đã được biết đến là vùng “địa linh nhân kiệt”, nơi sinh ra nhiều danh

nhân nổi tiếng trong lịch sử. Người dân Hải Dương vốn cần cù trong lao động, có truyền thống hiếu học và tinh thần cộng đồng sâu sắc. Trên cơ sở nguồn thác bản văn bia do Viện Viễn Đông Bác Cổ Pháp

* TS., Viện Nghiên cứu Hán Nôm

(EFEO) tại Hà Nội hiện lưu trữ tại Viện Nghiên cứu Hán Nôm (VNCHN) trong những năm gần đây chúng tôi đã nghiên cứu và công bố một số bài viết liên quan đến văn bia Hậu Hải Dương thế kỷ XVII¹. Tiếp nối hướng nghiên cứu này, chúng tôi tiếp tục nghiên cứu về văn bia Hậu Hải Dương có niên đại thế kỷ XVIII.

Kết quả thống kê cho thấy có tổng cộng 439 văn bia. Con số này gấp gần 03 lần so với số văn bia Hậu Hải Dương thế kỷ XVII². Các văn bia được phân bố ở 12 đơn vị hành chính cấp phủ, huyện (phủ Bình Giang, huyện Cẩm Giàng, huyện Chí Linh, huyện Đông Triều, huyện Gia Lộc, huyện Kim Thành, huyện Thanh Hà, huyện Thanh Lâm, huyện Thanh Miện, huyện Tứ Kỳ, huyện Vĩnh Lại, phủ Nam Sách)³. Bia được dựng tại các di tích tôn giáo và tín ngưỡng như chùa, đình, đền, miếu, văn chỉ, từ đường và một số địa điểm khác.

Nội dung văn bia Hậu Hải Dương thế kỷ XVIII khá phong phú và đa dạng. Bên cạnh việc ghi chép thông tin về đời sống tôn giáo, tín ngưỡng, văn bia còn phản ánh khá chi tiết tình hình kinh tế xã hội đương thời như: cuộc sống khó khăn thời nội chiến (binh hỏa, cướp bóc, nuôi lính, dân phiêu tán, chẵn tẻ), các việc công của làng xã (sưu sai, tạp dịch, thuế má, công nợ, đào hào), những vấn đề an sinh xã hội (chiêu dân lập ấp, chỉnh sửa hộ tịch, lập học điền, giải quyết kiện tụng), xây dựng các công trình dân sinh (xây sửa quán chợ, dựng cầu, đắp đê), xây dựng trùng tu các di tích tôn giáo tín ngưỡng (xây/sửa đình, đền, chùa, văn chỉ, từ đường...).

Thông qua tư liệu văn bia này, một xã hội thu nhỏ được phản ánh khá sinh động

và thú vị, qua đó chúng ta thấy được sự vận hành của xã hội nông nghiệp truyền thống, mối quan hệ giữa cá nhân và cộng đồng, vai trò của thiết chế làng xã đối với đời sống của dân cư. Đây là nguồn tư liệu quý giá không chỉ về mặt sử liệu, mà còn mang giá trị cao trong nghiên cứu văn hóa và xã hội Việt Nam thời kỳ tiền hiện đại.

2. Chiến tranh và đời sống nông thôn

Thế kỷ XVIII, xã hội Việt Nam nói chung, Hải Dương nói riêng trải qua nhiều biến động do nội chiến kéo dài, dẫn đến khủng hoảng chính trị, kinh tế và văn hóa. Văn bia Hậu Hải Dương thế kỷ XVIII phản ánh cuộc sống khổ cực của người dân với cảnh phiêu tán, cướp bóc, binh hỏa...

Từ cuối thập niên 30 của thế kỷ XVIII Hải Dương nói riêng xuất hiện nhiều cuộc nổi dậy, với sự tham gia của hầu hết các tầng lớp nhân dân. Có nhiều nguyên nhân dẫn đến các cuộc nổi dậy đó như chế độ tô thuế nặng nề, sưu sai tạp dịch, binh dịch, nạn kiêm tính ruộng đất của quan lại, địa chủ... khiến đời sống người dân ngày càng trở lên khó khăn hơn, họ đã nổi dậy chống lại chính quyền. Sách *Đại Việt sử kí tục biên* 大越史記續編 (1676-1789)⁴ ghi: “Năm Canh Thân niên hiệu Cảnh Hưng thứ 1 (1740)... Lúc bấy giờ giặc Ninh Xá là Nguyễn Tuyên, Nguyễn Cừ, Nguyễn Diên tự cho mình là con cháu thế gia mà tung hoành, mượn tiếng nhân nghĩa xúi giục dân các phủ Từ Sơn, Thuận Thành, Hạ Hồng, Nam Sách nổi dậy. Các nơi ấy hưởng ứng, kẻ sĩ thất chí về khao hoạn phần nhiều bị chúng cám dỗ. Quân “giặc” đan tre làm nón để làm dấu hiệu riêng. Cừ chiếm giữ Chí Linh (thôn Đỗ Lâm huyện Gia Phúc), Tuyên giữ Phao Sơn, nhóm họp liên lạc, có

số người đều tới vài vạn”⁵. Cuộc nổi dậy này chỉ kéo dài trong vòng một năm thì bị chính quyền Lê Trịnh tiêu diệt. Năm 1741, Nguyễn Tuyển thua chạy rồi chết, Nguyễn Cừ bị bắt đưa về kinh và thời gian sau bị giết. Cuộc nổi dậy của Nguyễn Hữu Cầu (con rể Nguyễn Cừ) diễn ra trong 10 năm (1741- 1751), hoạt động ở nhiều nơi như Kinh Bắc, Hải Dương, Sơn Nam, Nghệ An, khiến nhà Lê Trịnh phải rất vất vả chống đỡ. Triều đình phải cử những tướng lĩnh giỏi như Hoàng Ngũ Phúc, Phạm Đình Trọng... mới dẹp được cuộc nổi dậy của Nguyễn Hữu Cầu⁶.

Sự bất ổn về chính trị dẫn đến đời sống vốn yên bình của người dân bị xáo động, khó khăn, đói kém, họ phải rời bỏ quê hương, tan tác mỗi người một ngả, tha hương cầu thực, tìm nơi sinh sống mới. Sách *Khâm định Việt sử thông giám cương mục* ghi 欽定越史通鑑綱目: “Năm Tân Dậu (1741) nhân dân phiêu tán nhiều nhất có đến 1.730 làng, phiêu tán vừa có đến 1.961 làng, tổng cộng 3.691 làng, chiếm khoảng 40% tổng số xã trong toàn quốc”⁷. Cùng khoảng thời gian này, riêng số dân lưu tán không nộp thuế ở 4 trấn: Hải Dương, Kinh Bắc, Sơn Tây, Sơn Nam là khoảng 1.070 xã, ngang với một trấn lớn⁸.

Bên cạnh nạn phiêu tán, tình trạng cướp bóc diễn ra khắp nơi, được văn bia ghi chép khá rõ. *Vạn đại bi kí* 萬代碑記, N⁰4083-4084, thác bản bia suru tằm tại đình xã An Lâm tổng Cổ Tân phủ Kim Môn, soạn năm Cảnh Hưng thứ 39 (1778) ghi lại cảnh người dân nơi đây phải chịu cảnh cướp bóc đau thương: “Bấy giờ những nơi xa xôi hẻo lánh dù canh phòng cẩn thận nhưng bọn trộm cướp vẫn xâm nhập/時而偏方多警狂

放交侵”; “năm xưa bản xã gặp cảnh điêu tàn, nhiều lần bị cướp bóc/ 昔年本社偶被彫殘屢遭劫掠”, ông Nguyễn Thời Đắc đã có công dẹp cướp cứu dân, xuất tiền xuất ruộng để tu tạo miếu đình, ông được quan viên dân làng biết ơn suy tôn ông làm Hậu Thần (*Phụng tự Hậu Thần bi kí* 奉祀后神碑記, N⁰11977/11980).

Chiến tranh, loạn lạc, khói lửa đã khiến cho các đồ tích trữ ở các xóm làng hầu như mất hết, cuộc sống người dân lâm vào cảnh hoang tàn, nhiều đình chùa, miếu mạo bị binh hỏa thiêu cháy. Hai năm Canh Thân (1740) và Tân Dậu (1741) tại Hải Dương binh hỏa xảy ra ở rất nhiều nơi như xã Bành Xá huyện Cẩm Giàng, thôn Tông Thượng xã Tứ Minh huyện Cẩm Giàng, xã Tạ Xá huyện Chí Linh phủ Nam Sách.... Cũng vào hai năm đó, đình làng thôn Tông Thượng xã Tứ Minh huyện Cẩm Giàng cũng bị thiêu cháy, mọi người trong thôn cùng nhau xây dựng lại, một số người bản thôn xuất tiền của chi dùng vào việc xây đình và được tôn bầu làm Hậu Thần, dựng bia khắc sự việc vào năm Cảnh Hưng 37 (1776) (*Hậu Thần bi kí* 候神碑記, N⁰9593/9594).

Binh hỏa xảy ra ở xã Bành Xá huyện Cẩm Giàng được phản ánh trong văn bia: *Hậu Thần bi kí/ Hoàng triều vạn thọ* 候神碑記/ 皇朝萬壽, N⁰9629/9630 và *Hậu Thần/ Bi kí* 候神/ 碑記, N⁰6110/6111. “Vào năm Thân và năm Dậu, do gặp nhiều binh biến, đình xã Bành Xá bị thiêu cháy (...) ông Thập lý hầu họ Vũ tự là Trọng Thư cùng vợ họ Vũ hiệu là Từ Thiệu (...) được bản xã bầu làm Hậu Thần (bản xã) nhận lấy 150 quan tiền / 因於申酉兵變亭殿燒殘 [...] 十里侯武貴公字仲書諡福名并慈妻武貴氏号慈韶 [...] 保為候神定取古錢一

百五十貫”⁹. “Vì hai năm Thân, Dậu xảy ra binh biến, đình miếu bị thiêu rụi, may mắn người còn sống sót, lại được làm ăn yên ổn, nên đã tu sửa xây dựng lại. Năm Mậu Tuất (1742) làng mới huy động thợ thuyền để hoàn tất công trình, tuy nhiên tài chính vẫn chưa đủ. Ông Hiệu sinh Thập lý hầu họ Vũ tự Duy Cần cùng vợ là họ Mai hiệu Từ Tâm, Mai thị hiệu Từ Niệm được bầu làm Hậu Thần nhận 250 quan tiền cổ và 4 mẫu 5 sào ruộng để làm ruộng tế tự/ 因於申酉兵變亭殿燒殘幸有餘生復得安業重修再造。迺於茂戌年，鳩工完好，錢財未敷。且社內前本府校生兼十里侯武貴公字惟勤，妻枚氏号慈心，枚氏号慈念 [...]保為候神，定取古錢貳百貳拾五貫以供營為良田肆畝五高以留祭祀”(Hậu Thần/ Bi kí 候神 / 碑記, N⁰6110/6111).

Những tư liệu văn bia Hậu trên phần nào cho thấy hậu quả nặng nề của chiến tranh loạn lạc đối với đời sống xã hội nông thôn: làng mạc hoang tàn, dân cư phiêu tán, đình chùa bị thiêu hủy. Trong bối cảnh ấy, một số cá nhân đứng ra cúng tiến góp sức tái thiết quê hương, thể hiện tinh thần đoàn kết cộng đồng và truyền thống “lá lành đùm lá rách” của người dân Hải Dương trong lúc nguy nan, loạn lạc

3. Gánh nặng thuế khóa, quan dịch, nợ nần

Để duy trì tổ chức hành chính và lực lượng quân đội thời nội chiến, nhà nước luôn dùng biện pháp tăng thuế khóa và quan dịch. Người dân vừa bị thu thuế nặng nề vừa bị bắt đi lao dịch cưỡng bức, đời sống vô cùng cực khổ. Văn bia Hậu Thần Việt Nam thế kỷ XVII - XVIII khắp các

tỉnh từ đồng bằng Bắc Bộ như Hải Dương, Bắc Ninh, Thái Bình đến các tỉnh vùng Đông Bắc Bộ như Bắc Giang, Thái Nguyên và các tỉnh Bắc Trung Bộ như Thanh Hóa, Nghệ An đâu đâu chúng ta cũng đọc được những tấm bia ghi việc hưng công đóng góp gia tài, của cải của các Hậu Thần giúp địa phương chi trả việc đóng thuế và quan dịch cho nhà nước¹⁰.

Một số văn bia Hậu Hải Dương thế kỷ XVIII phản ánh tình hình sưu thuế, quan dịch, công dịch mà người dân các thôn xã phải gánh chịu, cụ thể như: *Hậu Thần bi kí* 後神碑記, N⁰4876/4877, tại xã Thời Ung huyện Vĩnh Lại, soạn năm Cảnh Hưng 38 (1777); *Vô đề*, N⁰12736/12737: *Hậu Thần bi kí* 後神碑記, N⁰12738/12740; N⁰12752-12753 tại xã Đại Lữ huyện Nam Sách; *Hậu Thần bi kí* 後神碑記, N⁰12376; *Phụng tự Hậu Thần bi kí* 奉祀後神碑 (N⁰12377/12378) tại xã Cao Đồi huyện Nam Sách; *Hậu Thần bi kí* 後神碑記, N⁰9149-51 tại thôn Đào xã Cao Xá huyện Cẩm Giàng.

Hậu Thần bi kí 後神碑記, N⁰11661/11662, thác bản bia sưu tầm tại đình Trang khu Trung xã Lang Can tổng Du La huyện Thanh Hà tỉnh Hải Dương, soạn năm Chính Hòa thứ 25 (1704) chép: “Nhân việc quan dịch... (làng) không có tiền chi dùng ... Bà Hoàng Thị Luyến hiệu Từ Nhân người bản xã thuộc dòng dõi thế gia, tuổi cao, đức trọng, đã công đức 100 quan sử tiền và 1 sào ruộng... tiền được dùng, còn ruộng cấy cấy chung (lấy hoa màu) cúng tế Hậu Thần / 因為官役 [...] 無有銅錢應用 [...] 本社人黃氏恋，世傳閩閩，年高德邵。家有銅錢使錢壹百貫，秧田壹高 [...] 銅錢應用並受取此田共耕，應

保為後神奉祀[...]”. Vì quan dịch nặng nề mà xã phải bán đình để có tiền nộp “Bản xã xây dựng đình lớn, từ năm Giáp Ngọ (1774) thường xuyên có động đất. Đến năm Canh Tí (1780), do có quan dịch nên bán đình, lấy tiền chi dùng vào việc (quan dịch). Đòi sau không thể xây dựng được đình lớn nữa/ 本社造大亭, 自甲午年常常動地; 至庚子年, 由為官役賣亭, 以錢用役。傳來後世, 不可構作大亭”(Hậu Thần bi 後神碑, N⁰11827/11828). Văn bia *Hậu Thần bi kí* 後神碑記, N⁰12738-12740, sưu tầm ở đình xã Đại Lữ phủ Nam Sách, soạn năm Cảnh Hưng 40 (1779) ghi: “Đến năm Mậu Tuất (1778) do quan dịch bản xã chi phí nhiều tiền, nay ông Nguyễn Đắc Thời người bản xã cùng vợ là Nguyễn Thị Cẩn xuất gia tài 120 quan tiền để giúp, bản xã nhận số tiền đó dùng vào việc quan [...]/ 迺於本社由戊戌年所有官役損錢頗多, 茲本社人阮得時, 妻阮氏勤[...]家財出予民古錢壹百貳拾貫以資民事, 而本社任取銅錢用其官役”. Văn bia cho thấy việc trở thành Hậu không chỉ là một hình thức tín ngưỡng để hưởng thờ phụng mà còn là một cách cá nhân gánh vác trách nhiệm xã hội, thay thế phần nào sự can thiệp của nhà nước trong việc giảm thiểu gánh nặng thuế dịch.

Nội chiến, thiên tai, mất mùa,... cuộc sống tại các thôn xã rất khó khăn, các vụ tranh giành đất đai, kiện cáo, vu cáo... xảy ra liên miên. Để giúp dân xã trang trải các khoản chi phí, nhiều người đã bỏ tiền ra giúp dân trả nợ, chi phí giải quyết các vụ kiện, chỉnh sửa hộ tịch... điều này cho thấy Hậu không chỉ gắn với thiết chế tôn giáo mà còn trở thành chỗ dựa cho việc công,

giảm bớt gánh nặng tài chính của cộng đồng trước các yêu cầu từ bộ máy quan lại

Văn bia *Hậu Thần bi kí/ Bản xã cộng lập* 後神碑/記/本社共/立, thác bản bia sưu tầm tại đình xã Đại Lữ tổng La Đồi phủ Nam Sách, soạn năm Cảnh Hưng thứ 41 (1780): Huyện thừa kiêm Hội trưởng Tư văn Nguyễn Đắc Tài người bản xã là người trung hậu, ông thường xuyên cúng tiền... “Tháng 4 năm Kỉ Hợi bổng bản xã bị áp bên cạnh tranh chấp ranh giới đất đai, nghĩ việc điền giới là việc nặng sao có thể điềm nhiên? Mà dân thôn ít, khó có thể lo liệu được, ông bèn xuất gia tài 100 quan tiền (để chi trả) mà lòng không chút do dự/ 迺於己亥年四月日, 偶見本社被鄰邑妄爭田界。念田界役重, 豈可恬然? 而村邑之人希難於應辦, 乃自出家貲計百貫, 心無斬費”(后神碑, N⁰12748). Hay “Bản thôn phải chi tiêu rất nhiều khoản: tiền sắc mục, tiền theo kiện tụng, tiền suất canh điền ... nay tổ chức bầu Hậu Thần cùng các dòng họ (cung tiến) được 700 quan/原錢色目錢, 訟事, 店人率把一村頗多銅錢。茲保候神共各族柒百貫”(創立金泉社侯神碑記, N⁰12072). “Năm Đinh Dậu (1717) xã (Đông Phan huyện Thanh Hà) bị tổng Tiền Liệt vu cáo, ông Nguyễn Giản chi cho bản xã hơn 300 quan tiền cổ để xã lo việc kiện cáo/ 丁酉年被前列總誣告, 阮簡與本社所損銅錢外古錢叁百貫”(Hậu Phật bi kí 後佛碑記, N⁰11450). “Thôn La Xá vốn bị kiện tụng bồi thường sinh mạng, do bản xã không có tiền, khi đó có người bản thôn là ông Đỗ Bá Triều, Nguyễn Khắc Thiệu, Nguyễn Khắc Phục mỗi người cúng 50 quan tiền sử, toàn xã nhận số tiền đó theo hầu việc kiện tụng.

Mọi người cùng ứng bầu (họ) làm Hậu Thần bản thôn / 羅舍村等所被訟償命事, 由然本社無有銅錢, 時有本村人杜伯朝, 阮克紹, 阮克復等, 仍發銅錢, 每壹人使錢五拾貫, 其全村等任取銅錢應役。共應保為本村後神”(Hậu Thần bi kí/ Bản xã bảo kí 後神碑記/本社保記, N⁰13358 /13359/13360/13361).

Sở hộ tịch là nơi ghi chép các sự kiện dân sự tại các địa phương, hộ tịch luôn có sự biến động do sinh, tử, dân phiêu tán... vì vậy việc điều chỉnh, thay đổi hoặc cải chính thông tin trong hồ sơ hộ tịch là việc cần làm, để làm được việc này, các thôn xã cần có những khoản tiền chi phí. Năm Cảnh Hưng thứ 36 (1775) thôn Su xã Nhân Lý huyện Thanh Lâm làm lại hộ tịch: “Nay quan viên hương lão toàn thôn Su xã Nhân Lý huyện Thanh Lâm do sửa đổi hộ tịch, chi phí rất nhiều. Bây giờ, có người bản thôn là Nhiều nam Nguyễn Đăng Đài hiệu Thiện Khoan cùng vợ Đặng Thị Tài góp 100 quan tiền sử cùng 1 mẫu ruộng tại xứ Mả Hàn, một thửa 5 sào tại xứ Lộc Phụ, 1 thửa 5 sào để cho dân chi dùng. / 茲青林縣仁里社篩村官員鄉老上下等, 為有更這戶籍, 用度頗多。間有本村人饒南阮登臺, 妻鄧氏材 [...] 爰應與使錢壹百貫, 并田壹畝在瑪寒處, 壹所五高祿備處, 壹所五高以資鄉用。”(Bản thôn Hậu Thần bi 本村后神碑, N⁰12226).

Từ những dẫn chứng trên, có thể thấy tín ngưỡng thờ Hậu tại Hải Dương thế kỷ XVIII mang hai chức năng song song: về mặt tín ngưỡng đó là việc thờ phụng Hậu lâu dài, về mặt xã hội là sự đóng góp thiết thực để giải quyết các vấn đề thuế khóa, kiện tụng, việc công khác. Chính sự kết hợp này khiến văn bia Hậu trở thành nguồn

tư liệu quý giá để nghiên cứu đời sống kinh tế - xã hội của làng xã truyền thống, đồng thời cho thấy cách thức cộng đồng sử dụng tôn giáo - tín ngưỡng để khắc phục những thiếu hụt trong việc quản trị làng xã.

4. Từ chiêu dân lập ấp, chấn tế đến nuôi dưỡng binh lính

Trong bối cảnh thế kỷ XVIII, chiến tranh liên miên, đói kém và nạn lưu tán dân cư đã đặt ra yêu cầu cấp bách đối với các chính sách an sinh xã hội ở vùng nông thôn.. Năm 1730, chúa Trịnh sai quan đi chiêu tập dân lưu tán. Việc chiêu tập dân phiêu tán nhằm ổn định xã hội, đảm bảo nguồn thuế khóa và sưu dịch cho nhà nước đồng thời góp phần ổn định và phát triển sản xuất. Dân làng nào lưu tán về đúng hạn, đồng đủ sẽ được hậu thưởng, làng nào đã hết kỳ hạn mà dân lưu tán chưa trở về yên nghiệp làm ăn sẽ bị phạt nặng¹¹. Năm Đinh Hợi (1767), tình hình loạn lạc nhiều năm, nhân dân phiêu tán, hao hụt nhân số nhưng thuế và dịch vẫn giữ nguyên, dẫn đến tình trạng quá tải. Trịnh Sâm buộc phải sáp nhập một số huyện, Trong đợt này Hải Dương có 3 huyện: Gia Phúc kiêm lý Thanh Miện, Thanh Lâm kiêm lý Chí Linh và Thủy Đường kiêm lý An Lão¹². Những chính sách ấy phản ánh nỗ lực của triều đình trong việc kiểm soát dân số và tổ chức lại bộ máy quản trị song hiệu quả chưa đủ để bù đắp tổn thất của xã hội nông thôn.

Chính vì vậy, vai trò của cộng đồng làng xã và cá nhân công đức trong việc tái thiết an sinh xã hội trở nên nổi bật và được văn bia Hậu phản ánh khá sinh động. Trước hết là công việc chiêu dân lập ấp, khai khẩn ruộng đất.

Văn bia *Vô đề*, N⁰12126/12127, thác bản bia sưu tầm tại miếu xã Nội Xá tổng Kim Lô phủ Kinh Môn, soạn năm Cảnh Hưng thứ 38 (1777) ghi về việc ông họ Nguyễn tự Đình Diên thụ là Phúc Hậu “khi bản thôn trải qua chiến tranh binh hỏa, đồng ruộng bỏ hoang phế, ông là người đầu tiên trở về làng khai phá, tập hợp dân chúng lập thành làng xóm, phong cảnh từ đó đổi mới / 本村自經兵燹之餘，土地蕪廢，公初到為之開拓招集一鄉，風景從此一新”. Hay trường hợp quan Thiệu Khanh Kế Lĩnh tử Hoàng Điền là người có công khai hoang, chiêu mộ dân về lập ấp sau hơn 10 năm lưu tán vì loạn lạc “Khoảng năm Canh Thân, Tân Dậu dân địa phương sau hơn 10 năm bị tàn phá lưu tán, nay được quay trở về, số người bán trụ ở quê chỉ còn 8 - 9 người / 庚申辛酉間本地方經殘破流贅十有餘年，回復之日土著僅八九人” (*Hậu Thần bi kí* 後神碑記, N⁰4070-73).

Bên cạnh khai khẩn và lập ấp, chấn tế cứu đói cũng là một nội dung quan trọng. Tháng 8 năm Tân Dậu (1741) đói lớn, nhà nước sai bỏ thóc công ra chia phát chẩn cho dân nghèo tứ trấn, cùng dân trong kinh kỳ, cứ 10 ngày lại phát 1 lần. Trong bối cảnh đó, “Nay bà Đỗ Thị Suối người xã Lô Động bản tổng (...) là người gia tư giàu có, bà có lòng nhân ái chẩn tế người nghèo, già trẻ lớn bé trong làng đều được hưởng ân huệ, người đời gọi bà là Trí Mẫu, bầu bà làm Hậu Thần / 茲本社本總雷洞社人杜氏滌... 家中積錢財之富，弘賑濟之仁惠敷，長幼一鄉共沐深恩舉世咸稱智母，愛保為後神 (*Hậu Thần bi kí*. *Vĩnh hưởng lưu truyền* 後神碑記/永享留傳, N⁰11472-74). Việc một người phụ nữ được cộng đồng tôn xưng là “Trí Mẫu” và lập làm Hậu

Thần cho thấy, tín ngưỡng thờ Hậu cũng là cơ chế xã hội hóa an sinh, tôn vinh những cá nhân có công đức cứu giúp đồng bào trong thời điểm khốn khó.

Đặc biệt, trong bối cảnh nội chiến, việc trợ cấp hương binh và nuôi dưỡng binh lính trở nên cấp bách tại khắp các làng xã ở Hải Dương. Nhiều người dân đã cung cấp tiền của trợ giúp việc hương binh hoặc cúng tiền cho xã để xã cho vay lấy lãi chi phí việc nuôi dưỡng binh lính. Văn bia *Hậu Thần bi kí* 後神碑記, năm Vĩnh Khánh thứ 3 (1731) chép về việc khoảng 30 người trong xã Xác Khê huyện Chí Linh cùng nhau xuất gia tài cho xã chi dùng gồm các việc trợ giúp hương binh, mua đồ tế khí thờ thần, được dân xã bầu làm Hậu Thần: “. Nay các vị Hậu Thần xuất tiền riêng trợ giúp binh lính trong làng, mua đồ tế lễ để thờ thần, lại mua 2 thửa ruộng giá 25 quan tiền, để cho bản thôn./ 茲後神諸位等出私財以助鄉兵，買器具以事神祇，再買田貳所，使錢貳拾五貫，以許本村。” (*Hậu Thần/ Bi kí* 後神/碑記, N⁰12333). Văn bia *Vô đề*, N⁰12868/12869 còn chép: “Cụm xã quan Lê Đình Tăng và vợ bà họ Hồ hiệu Từ Tâm ở giáp Kiêu Ninh thuộc bản xã (xã Tăng Hạ)... đã cúng cho xã 100 quan tiền cổ để xã cho vay lấy lãi chi phí cho việc nuôi dưỡng binh lính/ 本社橋寧甲人舊社官黎廷增正室胡氏號慈心... 有古錢壹百貫供許本社放債以充養另之需” (*Vô đề*, N⁰12868/12869).

Trần Thị Thu Hương cho rằng: Hưng Yên, Hải Dương, Kiến An là những địa phương có số văn bia Hậu Thần phản ánh việc cung cấp và nuôi dưỡng binh lính cho triều đình phong kiến nhiều hơn so với các địa phương khác trong cả nước¹³.

Văn bia *Sáng lập/ Hậu Phật/ Bi kí* 創立/後佛/碑記, N⁰11565- 68 ghi: “Năm sau hội tuyển quân, đến (lượt) dân xã phải tuyển chọn số lính (theo quy định). Bản xã tự tuyển chọn 91 người, cấp phát áo mũ, mỗi người chuẩn 5 quan tiền cổ. Tuy nhiên bản xã không có tiền đồng để nộp. Trộm thấy bà Lê Thị Cúc người xã Hải Hộ thuộc bản tổng, cùng chồng là ông Đoàn Công Dụng tự Đạo Tông hiệu Phúc Thắng xuất gia tài ra giúp xã/ 明年會選, 到社民選數另率。其本社自選九十一人, 奉給衣帽, 每人准古錢五貫。其本社無有銅錢應納, 竊見本總海戶社黎氏鞠, 與前夫段公用, 字道宗, 号福勝系, 出名家資符”. Các trường hợp này chứng minh rằng, Hậu không chỉ là biểu tượng tín ngưỡng mà còn là người bảo trợ an ninh cộng đồng, đóng góp trực tiếp vào việc duy trì lực lượng quân sự của nhà nước.

Văn bia Hậu Hải Dương thế kỷ XVIII phản ánh một cơ chế an sinh xã hội đặc thù của làng xã truyền thống. Thông qua việc lập ấp, cứu tế, nuôi quân, Hậu trở thành tủng gian giữa thiết chế nhà nước và đời sống dân gian, góp phần củng cố trật tự xã hội, sự ổn định lâu dài của cộng đồng, củng cố sức mạnh cho nhà nước phong kiến.

5. Xây dựng, trùng tu các công trình dân sinh

Công trình dân sinh (chợ, cầu đò, hào lũy...) xuất hiện trong văn bia Hậu không chỉ là những ghi chép về hoạt động xây dựng thuần túy, mà còn phản ánh mối quan hệ đa chiều giữa kinh tế, an ninh, trật tự xã hội và tín ngưỡng trong cộng đồng làng xã.

Trong bối cảnh nội chiến và bất ổn kéo dài ở thế kỷ XVIII, bên cạnh nhiệm vụ ổn định trật tự xã hội, chính quyền địa phương

ở Hải Dương đặc biệt quan tâm đến việc xây dựng, tu bổ cơ sở hạ tầng như cầu, đường, bến đò, quán chợ, đê điều. Các công trình này không chỉ tạo thuận tiện cho hành khách qua lại, giao thương mà còn ý nghĩa thiết thực trong việc bảo vệ cộng đồng, ổn định sản xuất và đời sống thường nhật.

Về chợ và quán: chợ là nơi trao đổi hàng hóa, phục vụ nhu cầu đời sống sinh hoạt của nhân dân trong phạm vi nhỏ là làng xã, lớn hơn là huyện thị. Đây là nơi giao lưu gặp gỡ, giao lưu kinh tế, sinh hoạt văn hóa thường xuyên của người dân các địa phương trong vùng, nơi gắn kết các mối quan hệ xã hội, tôn giáo, phản ánh đời sống xã hội của người dân trong đó có người dân Hải Dương. Bên cạnh việc ghi lại một số cứ liệu về lịch sử các ngôi chợ, việc xây cất, tu sửa các gian chợ, nội dung các văn bia Hậu Hải Dương thế kỷ XVIII còn ca ngợi, vinh danh những người hảo tâm đã góp của cải để ngôi chợ được hoạt động, họ được bầu Hậu qua những đợt cung hiến đó.

Chính sách mở cửa, khuyến khích thương nghiệp của nhà Mạc và chính quyền Lê - Trịnh ở thế kỷ XVII - XVIII đã tạo điều kiện cho kinh tế thương nghiệp nói chung có bước phát triển mạnh mẽ, trong đó mạng lưới chợ ở các địa phương được gia tăng về số lượng và mở rộng về quy mô. Thế kỷ XVIII, mạng lưới chợ ở Hải Dương là sự duy trì hoạt động của những chợ được hình thành trước đó và việc xây dựng mới, sửa sang lại các chợ cũ nhằm đáp ứng nhu cầu mua bán, trao đổi của người dân. Thống kê các bia chợ trên địa bàn Hải Dương cho biết, trong khoảng thế kỷ XVI - XVIII có 16 chợ lớn được xây

mới ở Hải Dương, được nhân dân khắc lên bia đá để lưu dấu cho các thế hệ sau¹⁴.

Tại Hải Dương, một số ngôi chợ được hình thành khá sớm, phản ánh qua văn bia như: *Văn Lộng thị bi/ Hưng công tân tạo bi* 晚弄市碑/興功新造碑, N⁰12399/12400, thác bản bia chợ Văn Lộng xã Tạ Xá phủ Nam Sách, soạn năm Đức Long thứ 6 (1634); *Tam bảo thị bi* 三寶市碑, N⁰12097 thác bản bia xã La Xá huyện Giáp Sơn, sưu tầm tại Văn chỉ xã La Xá tổng Cổ Tân phủ Kinh Môn, soạn năm Dương Hòa thứ 2 (1636); *Vạn niên địa phận/ Khai thị bi kí* 萬年地分/開市碑記/, N⁰3776 - 3778, thác bản bia thôn Vạn Niên xã Man Nhuệ huyện Thanh Lâm, sưu tầm tại (chợ huyện) đình thôn Vạn Niên tổng Trác Châu phủ Nam Sách, soạn năm Vĩnh Trị thứ 2 (1677... Thế kỷ XVIII tại Hải Dương, theo thống kê của Trịnh Khắc Mạnh có 06 văn bia ghi chép về chợ truyền thống, trong đó chủ yếu là người dân hưng công xây chợ, như: *Thái Bình tam bảo thị/ Bản tổng tạo quán lập bi/ Hội chủ công đức san kí* 太平三寶市/本總造館立碑/會主功德刊記, N⁰11707-11708, sưu tầm ở chùa Thái Bình thuộc 3 xã Phượng Đầu, Ngoại Đàm, Văn Xuyên tổng Hoàng Lại huyện Thanh Hà; *Hưng công kiều thị/ Thủy tạo bi kí* 興功橋市/始造碑記, N⁰13399 - 13402, sưu tầm ở đình thôn Kim Đới xã Hựu Hiền huyện Tứ Kỳ; *Hưng công sáng tạo/ Thị quán bi kí* 興功創造/市館碑記, N⁰11759 - 11762, sưu tầm ở xã Phù Tái huyện Kim Thành¹⁵.

Văn bia *Hậu Thần bi kí* 後神碑記, N⁰9265 - 9266, thác bản bia sưu tầm ở đình thôn Trung Đàm xã Lai Cách huyện Cẩm Giàng, soạn năm Quang Trung thứ 5 (1792): “Tháng Ba năm Nhâm Tý vì có

trùng tu tạo quán ở chợ Đông Năm. Khi đó có cặp vợ chồng người bản thôn có hằng sản hằng tâm, vì vậy bản thôn trên dưới cùng bầu 2 vị làm Hậu Thần/ 由於壬子年三月日為有崇修造館在棟甬市。於茲所有本村人夫妻年既老者更有恒心恆產, 因此本村上下置保為后神貳位”。 “Vào năm Bính Thân (1716) bản xã trùng tu ngôi chợ, lại vay 750 quan tiền/至丙申年, 本社重修會市又領債錢共古錢柒百五拾貫”。 Ông Mạc Thế Khuông tự Phúc Hào và vợ là Nguyễn Thị Tiêu người xã An Bộ huyện Giáp Sơn đã giúp xã dựng ba gian quán ở chợ, làm gác chuông chùa và tu sửa cầu. Giúp cho đời sống dân sinh tại địa phương được cải thiện rất nhiều: “Nay có người bản xã là Kỳ lão Lão nhiều kiêm bản phủ Phủ sĩ Mạc Thế Khuông tự Phúc Hào và vợ là Nguyễn Thị Tiêu hiệu Diệu Tiên (ông bà) dựng 3 gian quán trong chợ để mọi người qua lại không phải mưa nắng; xây 2 tầng lầu ở chùa để tiếng chuông được ngân xa; muốn khách qua lại thông thương bỏ chút của cải để tu sửa cầu / 茲有本人耆老老饒兼本府仕府莫世匡, 字福豪, 并妻阮氏蕉, 号妙僊[...] 市中作三間之館人免露; 居寺前構二層之樓, 鍾聲遠奏; 如欲通往來之客, 少資作橋樑之修”¹⁶.

Về cầu và giao thông: cầu là hạng mục hạ tầng then chốt cho giao thương và kết nối giữa các vùng. Nhiều văn bia của Hải Dương ghi lại việc xây cầu đá thay cho cầu gỗ cũ, như: *Thạch kiều bi kí/ Bao Trung xã Vô Lượng thôn* 石橋碑記/褒中社無量村, N⁰12936-12939, sưu tầm tại chùa Quang Huy thôn Vô Lượng xã Bao Trung huyện Gia Lộc, ghi lại việc năm Quý Sửu (1733) dân xã hưng công xây cầu đá thôn Vô Lượng để việc đi lại được dễ dàng¹⁷;

Kính chúc Hoàng triều vạn vạn tuế/ Mậu Ngọ niên/ Thủy tạo thạch kiều bi kí 敬祝皇朝萬萬歲/戊午年/始造石橋碑記, N⁰13221-13224, sưu tầm ở chùa Diên Khánh xã Nho Lâm huyện Tứ Kỳ, ghi về việc 2 cây cầu gỗ của xã được xây dựng từ lâu nay đổ nát, dân làng góp tiền làm lại cầu mới bằng đá gồm 7 gian ở xứ cửa chùa, 8 gian ở xứ Cầu Bạc để tiện việc đi lại¹⁸; *Thạch kiều bi* 石橋碑, N⁰13426-13427, sưu tầm ở miếu xã La Giang tổng Toại An huyện Tứ Kỳ ghi về việc một số thiện tín đóng góp tiền xây cầu đá thay cho cây cầu gỗ thôn Hạ La xã La Giang làm từ xa xưa đã bị hư hỏng nặng¹⁹.

Văn bia *Hậu Thần bi kí/ Lưu truyền vạn đại* 后神碑記/流傳萬代, N⁰9149-51 thác bản bia sưu tầm ở chùa thôn Đào xã Cao Xá tổng Lai Cách huyện Cẩm Giàng, soạn năm Cảnh Thịnh thứ 7 (1799) ghi “Vị sau khi bình hòa việc công nhiều việc phải dùng đến tiền công quỹ. Khi đó hương thôn có 1 vị viên sắc họ Nguyễn tự Công Thuyên hiệu Tuệ Chất cấp 50 quan tiền xanh lưu tại bản tộc để thờ tự, cùng 1 mẫu ruộng tốt. Nay hương thôn họp bàn đề tu tạo cầu và đình, bản tộc xuất 10 quan tiền xanh để chi dùng /為以兵火之後公務活繁財用匱之。維此鄉村也有一員色阮公，字功銓，號慧質給公務者青錢五拾貫留於族祀者，圭田壹畝。迺丞平之會鄉村修造橋亭。本族又出青錢拾貫以資公用”.

Về hào lũy, hệ thống phòng thủ: để bảo vệ xóm làng, chuẩn bị phòng thủ, bảo vệ trước nguy cơ bị tấn công, nhiều địa phương ở Hải Dương đã tiến hành đào hào đắp lũy che chắn và phòng thủ. Văn bia *Hậu Thần bi kí* 后神碑記, N⁰13307- 13309, soạn năm Cảnh Hưng thứ 21 (1760), thác

bản bia sưu tầm ở đình xã Nhữ Tĩnh tổng Mặc Xá huyện Tứ Kỳ ghi: “Nay ông Nguyễn Công Trực là Huyện thừa huyện Kim Sơn là người bản xã cùng với vợ là bà Vũ Thị Tam đã xuất 30 quan để cho xã chi phí vào việc đào hào đắp lũy... /茲本社人金山縣縣承阮功直妻武氏叁捐家錢叁拾緡以需為濠壘之費”. Văn bia Hậu ghi lại cả việc huy động tiền, ruộng làm nguồn chi và phương thức hoàn trả sau thời bình “Năm Canh Thân và Nhâm Tuất bình hòa liên miên, bản xã vì khi đó (phải tạm thời) xử lý theo thời cuộc, bất kể ruộng đất của ai cũng tùy tiện đào hào đắp lũy để bảo vệ dân làng. Nay khi hòa bình lập lại, ở nơi khác tác đất tác vàng, (nên) muốn phá bỏ hào lũy cũ để tiện việc canh tác... Vì vậy, tu bổ thành thêm thành hào cũ và chiếu theo số ruộng đất nhiều hay ít, tốt hay xấu theo đó hoàn trả tiền /庚申歷壬戌兵燹相因，本社臨時相機，不問土田出於誰某，隨便鑿濠築壘，保守方民。茲時屬清平，在他則寸地重寸金，夷城濠以便耕[...]因舊城濠稍加修補，且照某田之多少，肥瘦，依價還錢” (*Hậu Thần bi kí* 后神碑記, N⁰13310).

Văn bia Hậu phản ánh việc trùng tu, xây dựng chợ, cầu, quán, hào lũy không chỉ lưu giữ thông tin lịch sử vật chất, mà còn cho thấy cách cộng đồng nông thôn tổ chức, huy động và thiêng hóa các hoạt động công ích. Đây là nguồn sử liệu quan trọng để tìm hiểu mối quan hệ giữa tín ngưỡng, quyền lực của chính quyền địa phương và quản trị công cộng trong xã hội truyền thống.

6. Xây dựng, trùng tu cơ sở thờ tự tín ngưỡng

Thế kỷ XVII-XVIII hiện thực xã hội phản ánh một cách khách quan rằng tín

ngưỡng thờ Thần, Phật mang dấu ấn sâu đậm trong đời sống nhân dân. Cuộc sống thường nhật lam lũ, đau khổ, người ra thường hướng tới điều tốt đẹp, mong kiếp sau bình yên. Bất chấp chiến tranh xảy ra liên miên, đời sống người dân đói khổ, việc xây dựng, trùng tu cơ sở thờ tự vẫn diễn ra sôi nổi ở Hải Dương, phản ánh nhu cầu tâm linh bền chặt của nhân dân cũng như sự can dự của chính quyền địa phương. Sử liệu cho biết “năm Bính Thìn, Vĩnh Hựu năm thứ 2 (1736). Mùa xuân, tháng Giêng làm 3 chùa là Quỳnh Lâm, Hồ Thiên (huyện Đông Triều), Hương Hải (huyện Chí Linh) lấy dân phu các huyện Hiệp Sơn, Thủy Đường, Kim Thành, Đông Triều, Thanh Hà phục dịch...”²⁰. Điều này cho thấy việc dựng chùa không chỉ là hoạt động tín ngưỡng mà còn là chính sách của nhà nước nhằm củng cố trật tự tinh thần xã hội.

Theo Trịnh Khắc Mạnh, có 143 văn bia Hậu phụ nữ Hải Dương thế kỷ XVII-XVIII sử dụng tài sản cung tiến vào việc xây dựng, trùng tu di tích tôn giáo (chiếm 38.8%)²¹. Theo thống kê của chúng tôi thông qua nguồn văn bia Hậu Hải Dương, thế kỷ XVII có 50/147 văn bia (tỷ lệ 34,01%), thế kỷ XVIII có 118/439 văn bia (tỷ lệ 26,87%) ghi về việc xây dựng, trùng tu các di tích tôn giáo tín ngưỡng trong đó bao gồm các hạng mục như xây/ sửa chùa, xây/trùng tu đình, xây/ sửa đình + miếu, xây/sửa đình + chùa, xây/sửa đền + miếu, văn chỉ. Điều đó phản ánh xu hướng xã hội hóa mạnh mẽ trong việc duy trì cơ sở tín ngưỡng.

Các văn bia cung cấp chứng cứ cụ thể. Văn bia *Hậu Phật bi kí* 后伏碑記, N⁰19789-91, thác bản bia suu tầm tại chùa xã Hoạch Trạch phủ Bình An, soạn năm Cảnh Hưng

thứ 32 (1771) chép: “Do bản xã có một ngôi chùa cổ đã bị hư hỏng, còn bị cỏ mọc. Nay có bà Quận phu nhân nghĩ đến việc phát từ tâm, không tiếc gia sản, trùng tu phúc quả, lại xây dựng trên nền cũ/由本社有古寺一座, 已經荒弊, 猶然草構。茲桂戶郡夫人追思藉廣發慈心, 不靳家貲, 崇脩勝果, 再廠香城之舊址”. Chùa thôn Ngọc Trì xã Du La huyện Thanh Hà trải qua năm tháng bị xuống cấp, đổ nát... “Nhân vì các tòa thượng điện, thiêu hương, tiền đường, hành lang, tam quan trong chùa của bản thôn trải lâu năm đổ nát... Phụng Viên Giác Thiền sư sắc tứ Tăng hội ti Tăng chính chức Thích Thế Thế Ứng, tự Pháp Triêm Tì khuru Chân Như Phạm Tất, húy là Duyệt, nhà có 150 quan tiền sử đem cúng cho bản thôn trùng tu chùa Phật/ ...因為本村內寺上殿、燒香、前堂、行廊、三關等座累年頽弊, 奉圓覺禪師救賜僧會司僧正職釋世世應字法霑比丘真如范必諱悅, 家有使錢一百五十貫將在本村重修佛寺” (*Toàn thôn/ Phụng sự/ Hậu Phật/ Bi truyền* 全村 / 奉事 / 後佛 / 碑傳, N⁰11590 /11591/11592/11593).

Bên cạnh các ngôi chùa, nhiều ngôi đình cổ được người dân góp tiền của để làng xã trùng tu. Văn bia *Hậu Thần bi kí* 后神碑記, N⁰9164 - 9167, thác bản bia suu tầm ở thôn Đỗ xã Cao Xá huyện Cẩm Giàng, soạn năm Cảnh Hưng thứ 43 (1782), ghi về việc tu sửa đình của bản xã phải chi phí nhiều, một số người trong xã cung tiến và được tôn bâu làm Hậu Hiền: “Vì ngôi đình cổ của bản thôn trải qua lâu năm bị mục nát, các đồ tế khí, qua nhiều năm cũng bị hư hỏng. Việc tu sửa đình, từng muốn huy động công khai trong làng, nhưng do giàu nghèo không đều, khó lòng quyên góp đầy đủ. Khi đó, có người trong thôn là

ông Đào Thời Thuật cùng vợ là Đỗ Thị Đốt, xuất gia tài 60 quan tiền cổ để cung cấp cho việc tu sửa / 為本村古亭經年蠹朽, 奉事祭器, 歲久弊穿。造作之事, 曾欲公之鄉里, 則貧富不均, 難以會歛。時有村人陶時述妻杜氏焯, 擲出家貲古錢陸拾貫以供修理”.

Như vậy, cơ sở thờ tự tôn giáo và tín ngưỡng không chỉ là nơi diễn ra các hoạt động tâm linh mà còn đem lại những giá trị về mặt văn hóa, xã hội và tinh thần. Đây là nơi để con người thể hiện niềm tin, sự tôn kính với thần linh, tổ tiên, chư Phật, Thánh, Tiên Hiền, đồng thời giúp con người cảm thấy thanh thản, an yên trong cuộc sống, đặc biệt là khi phải đối mặt với cuộc sống khó khăn, vất vả. Sự đóng góp tài sản của các cá nhân và sự phối hợp của cộng đồng cho thấy niềm tin sâu sắc cùng trách nhiệm xã hội trong việc duy trì các di tích tôn giáo, vừa là nơi sinh hoạt tâm linh vừa củng cố mối quan hệ cộng đồng. Việc xây dựng, trùng tu các công trình này phản ánh nỗ lực vượt khó trong bối cảnh xã hội nhiều biến động, giữ gìn văn hóa truyền thống giữa đời sống thường nhật nhiều gian khó.

Lời kết

Thế kỷ XVIII, Hải Dương giữ vị trí trung tâm trong của vùng đồng bằng Bắc Bộ, vừa là nơi hội tụ sinh hoạt văn hóa, tín ngưỡng đặc sắc. Trong kho tàng di sản văn bia viết bằng chữ Hán, chữ Nôm, tính trên số lượng thạc bản thì Hải Dương là tỉnh có số lượng bia nhiều nhất cả nước²². Trong đó thế kỷ XVIII ghi nhận 439 bia, tăng gần gấp ba lần so với thế kỷ XVII (439/147 văn bia). Sự gia tăng này phản ánh sinh động quá trình mở rộng hoạt động cung tiến, bầu Hậu và cơ chế cộng đồng trong việc bảo trợ tín ngưỡng-xã hội.

Qua việc tìm hiểu 439 văn bia Hậu Hải Dương thế kỷ XVIII phân bố rải rác ở 12 huyện, phủ có thể nhận diện đời sống xã hội đương thời: từ những gánh nặng thuế khóa, binh dịch do chiến tranh, cho đến nhu cầu xây dựng hạ tầng dân sinh (chợ, cầu, hào lũy) và di tích tôn giáo (đình, chùa, văn chỉ). Kết quả nghiên cứu làm nổi bật sự đóng góp của những người hảo tâm, bất kể quan lại, hào phú hay phụ nữ bình dân - khi đóng góp tài sản đều được cộng đồng ghi nhận, vừa khẳng định vai trò cá nhân, vừa củng cố mối liên kết xã hội.

Ý nghĩa của văn bia Hậu Hải Dương thế kỷ XVIII không chỉ dừng ở giá trị vật chất mà còn ở chiều sâu nhân văn và ý thức cộng đồng. Người dân Hải Dương đã kết hợp tín ngưỡng với cơ chế xã hội để “thiên hóa” hành vi công ích, biến việc tu bổ đình chùa, làm cầu, dựng chợ thành một phần của trật tự thiên nhiên và kỷ luật tập thể.

Từ kết quả nghiên cứu trên, có thể khẳng định: văn bia Hậu Hải Dương thế kỷ XVIII là một nguồn sử liệu quan trọng, giúp soi sáng quan hệ giữa tín ngưỡng đến đời sống xã hội. Nghiên cứu và bảo tồn nguồn di sản này không chỉ góp phần nhận diện bức tranh kinh tế - xã hội của một vùng đất trong thời nội chiến, mà còn gợi mở nhiều giá trị tham khảo cho việc củng cố bản sắc văn hóa và phát huy vai trò của cộng đồng trong xã hội đương đại...*

LTHH

Chú thích và tài liệu tham khảo

* Bài viết thuộc nhiệm vụ cấp Bộ “Nghiên cứu văn bia Hậu tỉnh Hải Dương thế kỷ XVIII” do Viện Nghiên cứu Hán Nôm chủ trì, TS. Lê Thị Thu Hương chủ nhiệm nhiệm vụ.

1. Trần Trọng Dương (2023), “Xã hội Việt Nam và văn bia thế kỷ XVII”, *Tạp chí Hán Nôm*, số 5 (177), tr. 3-17; Lê Thị Thu Hương (2023), “Khảo cứu sự phân bố hệ thống văn bia Hậu tại Hải Dương thế kỷ XVII”, *Nghiên cứu Hán Nôm năm 2023*, tr.501-515; Lê Thị Thu Hương (2023), “Nghiên cứu văn bia Hậu Phát tỉnh Hải Dương thế kỷ XVII”, *Tạp chí Hán Nôm*, số 2 (177), tr. 69- 83; Trần Trọng Dương (2023), “Nghiên cứu về bia bài vị và bia tạo tượng: Trường hợp các bia Hậu tỉnh Hải Dương thế kỷ XVII”, *Tạp chí Hán Nôm*, số 2 (177), tr. 84-99; Mai Thu Quỳnh (2023), “Huệ nghĩa điền/ Bản tộc kí/ Nam giáp kí - văn bia bầu Hậu tộc sớm nhất ở Hải Dương thế kỷ XVII”, *Nghiên cứu Hán Nôm năm 2023*, tr.925-934.
2. Thế kỷ XVII, Hải Dương có 147 văn bia Hậu do EFEO sưu tầm, hiện lưu giữ tại Viện Nghiên cứu Hán Nôm.
3. Trong bài viết này chúng tôi sử dụng đơn vị hành chính đầu thế kỷ XX, do người sưu tầm ghi bên lề phải thác bản văn bia.
4. *Đại Việt sử kí tục biên* (1676-1789), Ngô Thế Long, Nguyễn Kim Hưng (dịch, 1991), NXB. Khoa học xã hội, Hà Nội,
5. *Đại Việt sử kí tục biên* (1676-1789), sđd, tr.171.
6. Dẫn theo Trịnh Khắc Mạnh (2024), *Hoạt động cung tiến và bầu Hậu của phụ nữ Hải Dương qua văn bia Hậu Hải Dương thế kỷ XVIII*, NXB. Khoa học xã hội, tr.53-54.
7. Viện Sử học (dịch, 1998), *Khâm định Việt sử thông giám cương mục*, NXB. Giáo dục (Hà Nội), t2, tr.553, 450.
8. Xem Viện Nghiên cứu Hán Nôm (1994): *Nghề nông cổ truyền Việt Nam qua thư tịch Hán Nôm*, NXB. Giáo dục, Hà Nội, tr.21.
9. Trịnh Khắc Mạnh (chủ biên, 2008 -2010), *Thư mục thác bản văn khắc Hán Nôm Việt Nam*, NXB. Văn hóa Thông tin, Hà Nội, tập 5, tr.537.
10. Trần Thị Thu Hương (2020), *Văn bia Hậu Thần Việt Nam thế kỷ XVII-XVIII*, NXB Văn học, tr.110.
11. Trần Thị Vinh (2017) (Chủ biên), *Lịch sử Việt Nam (từ thế kỷ XVII đến thế kỷ XVIII)*, NXB. Khoa học xã hội, tập 4, tr.174.
12. *Đại Việt sử kí bản kỷ tục biên* (1676-1789), NXB. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1997, tr.313.
13. Trần Thị Thu Hương (2020), *Văn bia Hậu Thần Việt Nam thế kỷ XVII-XVIII*, sđd, tr.124.
14. Nguyễn Đức Nhuệ (chủ biên, 2021), *Lịch sử Hải Dương*, tập 2 (từ năm 905 đến năm 1883), NXB. Chính trị Quốc gia sự thật, tập 2, tr.289-290.
15. Trịnh Khắc Mạnh (chủ biên, 2021), *Chợ truyền thống Việt Nam qua tư liệu văn bia*, NXB. Đại học Quốc gia Hà Nội, tr.456-460.
16. Vô đề, N^o12103-06.
17. *Thư mục* (sđd), tập 7, tr.371.
18. *Thư mục* (sđd), tập 7, tr.474.
19. *Thư mục* (sđd), tập 7, tr.545.
20. Trịnh Khắc Mạnh (2024), sđd, tr.58-59.
21. Trịnh Khắc Mạnh (2024), sđd, tr.165.
22. Trịnh Khắc Mạnh (2024), sđd, tr.44.
23. Phạm Đình Hồ, *Vũ trung tùy bút*, Trần Thị Kim Anh dịch (2001), NXB. Văn học, Hà Nội.
24. Trịnh Khắc Mạnh (chủ biên), *Thư mục thác bản văn khắc Hán Nôm Việt Nam* tập (1-8), NXB. Văn hóa - Thông tin, Hà Nội, 2007-2010; 3 tập (9-11), NXB. Khoa học xã hội, Hà Nội, 2020.
25. Lê Thị Thu Hương (2024), *Văn bia Hậu Phật vùng Đồng bằng Bắc Bộ thế kỷ XVII*, NXB. Khoa học xã hội.
26. Lê Thị Thu Hương (2023), “Khảo cứu sự phân bố hệ thống văn bia Hậu tại Hải Dương thế kỷ XVII”, *Nghiên cứu Hán Nôm năm 2023*. (Kỷ yếu HTKH cấp Quốc gia có phản biện), NXB. Thế giới.